

PHỤ LỤC 01:
BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT DỊCH TUẦN 33 NĂM 2025
(Từ ngày 13/8 đến hết ngày 19/8/2025)

TT	Khu vực		Số xuất huyết		T - C - M		Số rét		Số phát ban	
		(*)	M	C	M	C	M	C	M	C
1	Chư Păh	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	17	0	5	0	0	0	97	1
2	Chư Prông	<i>a</i>	28	0	3	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	179	0	21	0	0	0	379	0
3	Chư Puh	<i>a</i>	3	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	33	0	5	0	0	0	167	0
4	Chư Sê	<i>a</i>	5	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	44	0	12	0	0	0	755	0
5	Đăk Đoa	<i>a</i>	20	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	85	0	14	0	0	0	464	0
6	Đăk Pơ	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	7	0	6	0	0	0	44	0
7	Đức Cơ	<i>a</i>	1	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	5	0	10	0	0	0	98	0
8	Ia Grai	<i>a</i>	4	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	49	0	7	0	0	0	110	0
9	Ia Pa	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	1	0	1	0	0	0	120	0
10	Kbang	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	2	0	15	0	0	0	140	0
11	Kông Chro	<i>a</i>	3	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	5	0	3	0	0	0	29	0
12	Krông Pa	<i>a</i>	3	0	1	0	0	0	1	0
		<i>b</i>	36	0	2	0	0	0	320	0
13	Mang Yang	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	7	0	8	0	0	0	93	0
14	Phú Thiện	<i>a</i>	10	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	134	0	8	0	0	0	303	0
15	Pleiku	<i>a</i>	17	0	3	0	0	0	1	0
		<i>b</i>	180	0	39	0	0	0	327	0
16	An Khê	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	18	0	30	0	0	0	5	0
17	Ayun Pa	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	28	0	4	0	0	0	53	0
18	Quy Nhơn	<i>a</i>	2	0	2	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	110	0	51	0	0	0	263	0
19	Tuy Phước	<i>a</i>	6	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	86	0	54	0	0	0	49	0
20	An Nhơn	<i>a</i>	1	0	1	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	104	0	35	0	0	0	47	0

TT	Khu vực		Sốt xuất huyết		T - C - M		Sốt rét		Sốt phát ban	
		(*)	M	C	M	C	M	C	M	C
21	Phù Cát	a	1	0	0	0	0	0	0	0
		b	67	0	16	0	0	0	50	0
22	Phù Mỹ	a	5	0	1	0	0	0	0	0
		b	102	0	16	0	0	0	30	0
23	Hoài Nhơn	a	9	0	0	0	0	0	0	0
		b	129	0	57	0	0	0	10	0
24	Hoài Ân	a	2	0	0	0	0	0	0	0
		b	42	0	26	0	0	0	20	0
25	Tây Sơn	a	2	0	0	0	0	0	0	0
		b	71	0	21	0	0	0	25	0
26	Vân Canh	a	1	0	0	0	0	0	0	0
		b	10	0	32	0	0	0	2	0
27	An Lão	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	20	0	4	0	0	0	1	0
28	Vĩnh Thạnh	a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	30	0	9	0	0	0	33	0
Ngoại lai		a	0	0	0	0	0	0	0	0
		b	0	0	0	0	0	0	86	0
Toàn tỉnh		a	123	0	11	0	0	0	2	0
		b	1601	0	511	0	0	0	4120	1

(*): **a** là số mắc tuần này; **b** là số mắc cộng dồn từ đầu năm.

Phụ lục 02:
TÌNH HÌNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 33 NĂM 2025

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Tổng cộng	BV trung tâm GL	Bồng Sơn	YHCT QNhon	Lao QNhon	Tâm thần QNhon	Mắt Gia Lai	Quy Nhon	Tuy Phước	An Nhon	Phù Cát	Phù Mỹ	Hoài Ân
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	9.426	1.600	480	240	140	160	100	350	200	350	220	180	160
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	79.190	8.637	4.610	259	212	898	2.052	4	2.213	3.084	2.903	1.994	1.554
1.1	<i>Trong đó: - Có thể BHYT</i>	"	64.954	6.426	4.221	195	77	771	848	4	2.098	2.889	2.577	1.673	1.139
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	5.093	311	504	259	-	-	-	260	108	89	210	146	21
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	11.395	1.179	623	3	4	40	325	422	182	324	183	137	158
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	25.248	2.748	1.742	128	85	147	1.709	1	1.006	1.260	1.270	874	498
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	3.463	133	192	-	-	-	24	33	101	174	135	199	217
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		625	131	143	-	-	-	22	-	-	-	-	-	-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	2.831	-	49	-	-	-	2	33	101	174	135	199	217
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	11.213	1.799	640	487	53	65	543	353	302	289	257	217	124
3.1	<i>Trong đó: - Có thể BHYT</i>	"	10.371	1.737	616	460	52	63	390	348	299	278	256	201	122
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	1.333	292	39	487	-	47	-	19	75	33	51	28	21
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	2.071	277	113	4	-	4	2	65	35	78	38	30	25
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	4.518	1.355	207	231	30	5	424	105	129	93	139	84	50
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	452	59	26	-	4	1	2	5	3	20	22	35	4
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		115	37	12		1	-	2	-	-	-	-	-	-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	318	3	14	-	3	1	-	5	3	20	22	35	4
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	58.127	12.459	3.327	2.151	517	1.126	513	2	1.107	1.715	688	1.699	729
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	10.920	1.799	586	179	41	68	1.485	350	155	293	238	196	122
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	3.997	784	370	-	4	-	5	136	46	141	155	56	88
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	12.294	876	167	165	31	67	7.425	196	104	131	85	101	29
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	461	112	29	14	-	-	25	12	2	14	3	5	-
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	1.245	26	20	-	6	1	1.032	6	3	7	15	33	4
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	1.038	1	-	-	-	-	1.032	-	-	-	-	-	-
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	83	-	-	-	-	-	80	-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	36.460	6.317	3.778	93	159	846	20	3	2.041	2.225	2.339	1.777	1.430
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	1.975	147	42	25	-	13	-	22	-	4	15	-	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	253.278	31.585	22.668	757	1.113	23.688	-	43	25.420	29.189	32.920	8.885	-
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	10.898	3.453	252	301	-	364	308	118	-	45	95	-	-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	229.161	125.297	6.809	328	587	396	294	6	1.087	2.938	1.223	2.576	1.453
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	130.467	93.874	3.845	328	354	386	-	3	468	903	450	635	276
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	14.540	1.794	1.109	37	183	26	-	992	557	373	466	208	198
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	3.933	1.216	369	25	51	15		222	78	52	95	38	25
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	2.552	988	208	-	10	-		59	-	17	-	-	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	1.324	792	140	-	9	-		43	-	15	-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	19.674	2.601	962	10	13	24		819	247	547	416	260	166
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	5.363	1.651	357	9	12	23		215	49	125	141	68	61
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	6.624	1.035	563	38	7	190		405	81	239	402	368	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	2.821	823	297	38	6	114		154	48	132	178	106	-

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Hoài Nhơn	Tây Sơn	Vân Canh	An Lão	Vĩnh Thạnh	Hoà Bình	Bình Định	Thu Phúc	Mắt SG-Quy Nhơn	BVĐK GL	Nhi GL	YDCT Pleiku	Lao&B P Pleiku	Tâm TK Pleiku
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	180	250	60	60	130	90	335	55	21	1.000	350	130	70	80
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	1.499	2.057	446	466	1.023	2.017	2.847	607	501	5.471	1.251	157	46	457
1.1	<i>Trong đó: - Có thể BHYT</i>	"	1.481	1.755	388	425	906	1.958	2.337	541	415	4.886	927	147	31	417
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	141	201	59	12	11	83	21	19	-	180	-	157	-	-
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	186	99	56	65	106	135	677	63	93	39	1.205	1	1	20
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	589	856	141	162	285	578	456	154	189	2.340	-	76	18	63
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	107	120	41	62	61	67	10	12	-	221	32	1	2	-
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-	-	-	-		-	200	31	-	2	-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	107	120	41	62	61	67	10	12	-	21	1	1	-	-
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	206	288	51	43	102	61	293	5	65	809	371	60	54	66
3.1	<i>Trong đó: - Có thể BHYT</i>	"	202	276	50	43	102	57	256	5	64	714	336	58	52	62
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	38	22	2	3	6	5	-		-	15	-	60	-	-
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	10	7	8	7	16	8	81		-	14	355	1	1	3
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	93	153	14	17	52	12	37	2	48	240	-	33	16	2
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	11	21	10	1	13	1	12	1	-	29	7	-	3	-
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-	-	-	-		-	18	5	-	2	-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	11	21	10	1	13	1	12	1	-	11	2	-	1	-
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	1.050	940	253	66	756		1.398	14	65	5.351	2.797	951	358	2.044
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	73	163	45	38	100		325	4	65	803	391	57	21	15
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	36	42	12	13	35		177		64	146	250	-	-	-
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	28	89	27	22	52		142	3	-	584	120	53	19	15
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	8	11	-	2	3		6	1	1	54	15	4	1	-
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	1	21	6	1	10		-		-	19	6	-	1	-
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	-	-	-	-	-		-		-	-	1	-	-	-
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	-	-	-	-	-		-		-	-	1	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	15	1.739	296	302	847		2.493	590	436	2.514	-	97	23	445
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	15	25	-	13	3		16	19	-	165	-	13	-	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	49	8.695	2.072	4.679	18		31.847	7.309	436	5.069	-	213	220	-
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	49	225	-	64	3		64	90	-	2.720	-	213	-	-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	2.333	922	292	416	878		12.352	1.322	216	7.880	2.392	224	409	47
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	594	180	98	67	287		3.123	29	216	5.564	1.983	224	311	21
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	412	276	68	82	79		713	4	-	866	304	76	28	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	64	47	19	16	26		170		-	308	219	73	23	-
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	6	55	-	-		250	10	-	291	37	-	3	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	-	6	15	-	-		60	1	-	135	30	-	3	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	341	149	8	47	168		2.035	241	6	1.195	337	13	5	2
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	88	35	4	7	41		341	2	6	515	162	13	5	2
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	230	114	13	11	74		691	80	7	242	8	27	18	1
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	82	42	1	4	38		123	2	7	47	3	27	18	1

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	331	Chư Păh	Chư Prông	Chư Puh	Chư Sê	Đak Đoa	Đak Pơ	Đức Cơ	Ia Grai	Ia Pa	KBang	Kông Chro	Krông Pa	Mang Yang
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	120	75	65	50	130	105	50	90	70	65	110	65	95	75
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	762	377	645	466	2.080	866	393	1.114	829	541	792	155	1.348	1.011
1.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	690	360	576	440	1.972	845	374	998	706	480	682	120	1.067	645
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	1	22	238	-	301	132	11	477	194	84	35	3	-	4
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	96	53	98	68	348	132	54	161	135	100	99	23	243	97
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	239	125	185	139	590	243	105	241	173	131	113	30	357	220
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	6	27	50	77	121	125	23	165	78	20	40	14	190	123
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	67	-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	1	27	50	77	121	125	23	165	78	20	40	14	123	123
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	56	43	61	67	219	109	52	105	96	56	136	58	149	76
3.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	55	41	59	55	206	85	52	94	83	56	128	49	143	73
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	1	2	9	-	4	8	2	-	18	2	1	-	-	5
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	14	15	21	22	89	17	28	39	13	21	34	9	40	15
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	24	6	11	8	67	18	8	15	15	11	26	8	22	15
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	1	1	4	4	8	7	1	25	7	5	13	9	21	7
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	4	-	-	-	-	-	1	-	-	19	-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	1	1	4	-	8	7	1	25	7	4	13	9	2	7
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	317	336	334	339	856	559	249	481	427	265	680	218	522	402
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	65	47	46	67	197	102	49	67	90	57	121		160	76
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	8	19	36	60	-	68	46	2	59	31	72	20	99	48
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	76	26	8	7	189	27	2	63	24	21	37	30	36	23
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	2	2	2	-	7	7	-	2	5	4	10	2	20	5
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	1	-	-	-	1	-	1	-	2	1	2	2	2	-
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	635	44	11	-	43	24	15	19	3	9	22	3	713	19
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	75	44	11	-	43	11	15	19	3	9	22	3	12	19
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	645	56	-	-	349	114	57	324	34	62	227	44	3.223	77
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	85	56	-	-	349	55	57	324	-	8	19	44	-	77
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	2.023	172	477	682	904	919	331	579	470	492	1.504	7	416	386
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	394	62	166	81	339	143	49	92	82	142	232	6	174	91
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	243	-	77	159	210	174	60	112	108	68	248	-	88	121
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	45	-	5	27	29	15	5	5	4	17	30	-	7	10
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	204	80	95		403	146	89	151	99	125	171	27	227	90
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	48	11	11		44	30	17	14	8	19	17	14	53	17
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	39	4	9		140	7	-	14	2	1	17	-	4	12
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	10	2	-		24	-	-	1	2	-	11	-	4	1

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	Phú Thiện	TX An Khê	TX Ayun Pa	TP Pleiku	Hoàng Anh GL	Hùng Vương GL	Mắt CN	Mắt SG-GL	CS Chư Păh	CS Chư Sê	CS Chư Prông
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	85	160	180	140	200	300	50	10	30	50	65
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	1.201	1.464	1.163	3.435	5.268	4.958	1.062	798	258	247	692
1.1	<i>Trong đó: - Có thể BHYT</i>	"	1.030	1.226	948	3.198	2.228	4.082	812	764	258	241	680
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	50	47	27	516	-	159	-	-	-	-	-
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	363	142	199	311	984	964	192	26	6	45	130
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	261	465	251	1.108	1.206	724	268	350	55	75	219
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	107	37	17	192	37	12	3	-	5	16	34
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-	22	4	3	-	-	-	-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	107	37	17	192	15	8	-	-	5	16	34
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	222	181	161	212	489	489	94	325	16	41	97
3.1	<i>Trong đó: - Có thể BHYT</i>	"	203	168	152	199	426	395	83	324	16	37	90
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	2	-	5	10	-	21	-	-	-	-	-
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	58	35	52	31	136	151	4	-	4	11	30
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	54	47	21	29	106	75	31	298	4	12	16
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	8	4	6	4	13	7	1	-	-	4	2
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-	9	4	1	-	-	-	-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	8	4	6	4	4	3	-	-	-	4	2
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	760	874	962	838	2.766	2.468	230	300	64	268	536
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	140	192	188	126	504	445	91	325		41	112
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	34	68	31	73	6	281	-	311		-	65
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	102	111	124	50	481	152	89	11		36	38
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	2	11	20	3	15	5	2	-		5	8
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	2	2	3	-	2	6	-	-	-	-	
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	14	7	19	19	3.980	36	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	14	7	19	19	1.057	36	-	-	-	-	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	42	42	345	69	10.390	303	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	6	6	19	69	1.057	303	-	-	-	-	-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	1.074	1.264	1.118	1.825	14.867	22.648	600	2.362	259	173	932
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	314	218	203	148	3.864	6.265	600	2.362		59	162
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	169	326	99	473	1.134	1.671	-	-	-	50	99
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	21	54	8	26	218	229	-	-	-	15	12
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	30	12	-	130	446	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	-	13	3	-	19	40	-	-	-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	313	275	208	327	2.192	3.107	180	337	14	52	150
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	48	61	30	26	288	247	46	333		14	35
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	70	86	12	35	370	847	84	19	-	-	8
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	31	22	5	4	95	215	84	17	-	-	2

(*): Đơn vị không báo cáo